TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 07 - 8 - 2019
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng
Các Thẩm phán: Ông Trịnh Văn Hùng
Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc *"Xin ly hôn"*.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2019/QĐ-PT ngày 09/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Lê Phương T: sinh năm 1985; địa chỉ nơi cư trú Tổ a (Tổ b cũ), khu phố LV, Phường c, thành phố ĐL, Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ Phúc A: sinh năm 1991; địa chỉ nơi cư trú 9K/5B, đường HBT, Phường d, thành phố ĐL, Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Cao T – Văn phòng Luật sư BT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Vũ Phúc A – Bị đơn.

(Luật sư và các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Lê Phương T trình bày:

- *Về tình cảm:*

Chị Nguyễn Lê Phương T và anh Nguyễn Vũ Phúc A đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân Phường c, thành phố ĐL. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hai bên có có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ Số 05 ML, Phường c, ĐL. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, không thể hòa hợp được nên vợ chồng đã tự sống ly thân không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên có yêu cầu được ly hôn với anh Phúc A.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống giữa vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Kim K, sinh ngày 17/8/2018, hiện con chung đang sống với chị T. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con, không yêu cầu anh Phúc A cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T xác định giữa vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Vũ Phúc A trình bày:

Anh và chị Nguyễn Lê Phương T kết hôn năm 2017. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình. Sau khi cưới vợ chồng sống tại Số 05 ML, Phường c, ĐL. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và quan điểm sống có sự khác biệt không thể hòa hợp được. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng không còn sống chung và không còn quan tâm đến nhau. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Anh xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Kim K, sinh ngày 17/8/2018. Hiện nay con đang ở với chị T. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh xác định giữa vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 29/5/2019 Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Xin ly hôn"* giữa chị Nguyễn Lê Phương T và anh Nguyễn Vũ Phúc A được ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Lê Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Kim K, sinh ngày 17/8/2018 cho đến tuổi thành niên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 31/5/2019, bị đơn anh Nguyễn Vũ Phúc A có đơn kháng cáo về phần con chung, anh yêu cầu được nuôi con chung do anh có chỗ ở, thu nhập ổn định, có điều kiện chăm lo, nuôi dưỡng con tốt hơn.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn chị Nguyễn Lê Phương T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử *(sau đây viết là HĐXX)* không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Vũ Phúc A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Vũ Phúc A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX giao 01 con chung tên là Nguyễn Kim K, sinh ngày 17/8/2018 cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, vì anh có điều kiện chăm sóc con chung hơn chị T đồng thời do chị T và gia đình bố mẹ chị T đã có hành vi ngăn cản anh được thăm nom, chăm sóc con chung.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày luận cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Phúc A. Xét đến điều kiện hoàn cảnh nuôi con của anh Phúc A có điều kiện hơn chị T và do chị T đã vi phạm quyền thăm nom, chăm sóc con chung đối với anh Phúc A nên đề nghị giao cháu Nguyễn Kim K cho bị đơn anh Phúc A được trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc Thẩm phán và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Vũ Phúc A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc được trực tiếp nuôi con chung HĐXX thấy rằng quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên là Nguyễn Kim K, sinh ngày 17/8/2018. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T và anh Phúc A không còn sống chung một nhà, hai người đã tự ý sống riêng và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, Cháu Nguyễn Kim K được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân & gia đình Việt Nam thì *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Như vậy tại thời điểm hai người ly hôn cháu Nguyễn Kim K, sinh ngày 17/8/2018 đang trong độ tuổi mà pháp luật quy định được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, giai đoạn này bé rất cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ. Tai phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Phúc A xuất trình 01 USB anh trình bày trong đó có chứa chứng cứ thể hiện chị T và gia đình bố mẹ chị T đã có hành vi ngăn cấm anh được thăm nom chăm sóc con chung. Qua xem xét chứng cứ do bị đơn cung cấp tại Tòa án được lưu trong USB chỉ thể hiện lời đối thoại dưới dạng tin nhắn, lời thoại không rõ nhân vật, không rõ nguồn gốc xuất xứ và nội dung đối thoại không xác định được chủ đề nên không có căn cứ để xem xét. Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ điều kiện, hoàn cảnh và môi trường chăm sóc, nuôi dạy con chung đối với chị T và anh A và quyết định giao cháu Nguyễn Kim K cho mẹ được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng pháp luật. Theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình quy định việc đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không bên nào được quyền ngăn cản; người không trực tiếp nuôi con chung phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên người có kháng cáo phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Vũ Phúc A đối với nguyên đơn chị Nguyễn Lê Phương T.

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Lê Phương T đối với bị đơn anh Nguyễn Vũ Phúc A về việc xin ly hôn.

1. Về tình cảm:

Cho chị Nguyễn Lê Phương T và anh Nguyễn Vũ Phúc A ly hôn.

2. Về con chung:

Giao một con chung tên Nguyễn Kim K, sinh ngày 17/8/2018 *(hiện cháu K đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng)* cho chị Nguyễn Lê Phương T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày cháu K đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Vũ Phúc A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Chị Nguyễn Lê Phương T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn. Nhưng được được trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0011924 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

4.2. Buộc bị đơn anh Nguyễn Vũ Phúc A phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0012304 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án

dân sự thành phố Đà Lạt. Anh Nguyễn Vũ Phúc A đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND thành phố Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng